

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 7 năm 2025

THỐNG KÊ SỐ LIỆU SINH HOẠT CHUYÊN MÔN NĂM HỌC 2024 – 2025
(Số liệu được tính từ ngày 19/8/2024 đến ngày 18/7/2025)

T T	TRƯỜNG/KHOA	KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM HỌC 2024-2025												KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM HỌC 2023-2024				SO SÁNH TĂNG/ GIẢM			
		SỐ LƯỢT SHCM (GV+TrG)				SỐ LƯỢT SHCM (GV)				TRUNG BÌNH CHUNG SỐ LƯỢT/GV				TRUNG BÌNH CHUNG SỐ LƯỢT/GV				TRUNG BÌNH CHUNG SỐ LƯỢT/GV			
		CVHT	TG	DG	HBM	CVHT	TG	DG	HBM	CV HT	TG	DG	HB M	CVH T	TG	DG	HBM	CV HT	TG	DG	HBM
I	TRƯỜNG KINH TẾ - KINH DOANH																				
1	KHOA KẾ TOÁN	1205	38	256	525	1205	38	256	525	63	2	13	28	84	2	20	36	-20	0	-6	-9
2	KHOA QUẢN TRỊ KINH DOANH	579	32	187	401	579	32	187	401	34	2	11	24	50	2	14	29	-16	0	-3	-5
3	KHOA MARKETING	523	35	173	364	523	35	173	364	37	3	12	26	0	0	0	0	37	3	12	26
4	KHOA KINH TẾ - TÀI CHÍNH	732	43	174	348	732	43	174	348	73	4	17	35	65	3	17	34	9	1	0	1
II	TRƯỜNG KHOA HỌC MÁY TÍNH																				
1	KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	721	38	217	310	721	38	217	310	34	2	10	15	48	1	12	24	-13	0	-2	-10
2	KHOA KHOA HỌC MÁY TÍNH	140	10	27	66	140	10	27	64	35	3	7	16	43	1	3	10	-8	2	4	6
3	KHOA KỸ THUẬT MẠNG MÁY TÍNH VÀ TRUYỀN THÔNG	53	13	27	68	53	13	25	66	9	2	4	11	3	3	7	21	6	-1	-3	-10
II I	TRƯỜNG CÔNG NGHỆ & KỸ THUẬT																				
1	KHOA ĐIỆN - ĐIỆN TỬ	451	65	149	319	451	61	137	309	38	5	11	26	43	5	14	28	-6	0	-3	-2
2	KHOA MÔI TRƯỜNG & KHOA HỌC TỰ NHIÊN	1102	92	416	888	1102	85	413	879	33	3	13	27	34	2	17	29	-1	0	-5	-2

T T	TRƯỜNG/KHOA	KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM HỌC 2024-2025												KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM HỌC 2023-2024				SO SÁNH TĂNG/ GIẢM			
		SỐ LƯỢT SHCM (GV+TrG)				SỐ LƯỢT SHCM (GV)				TRUNG BÌNH CHUNG SỐ LƯỢT/GV				TRUNG BÌNH CHUNG SỐ LƯỢT/GV				TRUNG BÌNH CHUNG SỐ LƯỢT/GV			
		CVHT	TG	DG	HBM	CVHT	TG	DG	HBM	CV HT	TG	DG	HB M	CVH T	TG	DG	HBM	CV HT	TG	DG	HBM
3	KHOA KIẾN TRÚC	451	54	148	327	451	54	148	319	38	5	12	27	27	3	10	23	11	2	2	3
4	KHOA MỸ THUẬT ỨNG DỤNG	200	79	177	274	200	79	169	261	13	5	11	17	16	3	8	13	-2	2	3	4
5	KHOA XÂY DỰNG	267	35	134	243	267	35	134	243	24	3	12	22	19	3	12	20	5	1	0	2
6	KHOA CƠ KHÍ	166	20	50	171	166	15	48	166	11	1	3	11	20	2	6	16	-8	-1	-3	-4
I V	TRƯỜNG NGÔN NGỮ - XÃ HỘI NHÂN VĂN																				
1	KHOA TIẾNG ANH	1373	65	336	887	1373	65	336	887	38	2	9	25	28	1	10	20	11	1	-1	5
2	KHOA TIẾNG HÀN	142	45	157	242	142	45	157	242	14	5	16	24	7	1	19	26	7	3	-3	-2
3	KHOA TIẾNG TRUNG	198	45	217	422	198	45	217	422	10	2	11	21	14	1	15	18	-5	1	-4	3
4	KHOA TIẾNG NHẬT	139	3	12	82	139	3	12	82	23	1	2	14	21	1	3	15	2	-1	-1	-1
5	KHOA KH XÃ HỘI & NHÂN VĂN	690	35	165	394	690	35	165	394	43	2	10	25	31	1	10	25	12	1	0	0
6	KHOA QUAN HỆ QUỐC TẾ	220	12	75	172	220	12	75	172	37	2	13	29	0	0	0	0	37	2	13	29
7	KHOA LUẬT	850	25	123	444	774	25	123	444	70	2	11	40	71	2	12	35	0	0	-1	6
V	TRƯỜNG Y DƯỢC																				
1	KHOA Y	499	51	158	369	499	51	158	369	28	3	9	21	11	2	6	17	17	0	2	4
2	KHOA DƯỢC	833	62	240	672	833	62	240	672	38	3	11	31	33	2	8	24	5	1	3	6
3	KHOA ĐIỀU DƯỠNG	863	31	175	630	863	31	175	630	43	2	9	32	38	2	11	32	5	0	-2	-1
4	KHOA RĂNG-HÀM- MẬT	66	11	49	148	66	11	49	148	6	1	4	12	0	1	5	10	5	0	-1	2

T T	TRƯỜNG/KHOA	KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM HỌC 2024-2025												KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM HỌC 2023-2024				SO SÁNH TĂNG/ GIẢM			
		SỐ LƯỢT SHCM (GV+TrG)				SỐ LƯỢT SHCM (GV)				TRUNG BÌNH CHUNG SỐ LƯỢT/GV				TRUNG BÌNH CHUNG SỐ LƯỢT/GV				TRUNG BÌNH CHUNG SỐ LƯỢT/GV			
		CVHT	TG	DG	HBM	CVHT	TG	DG	HBM	CVHT	TG	DG	HBM	CVHT	TG	DG	HBM	CVHT	TG	DG	HBM
V I	TRƯỜNG DU LỊCH																				
1	KHOA KHÁCH SẠN- NHÀ HÀNG QUỐC TẾ	523	36	222	452	523	36	222	452	29	2	12	25	24	1	13	21	5	1	0	4
2	KHOA DU LỊCH LỮ HÀNH QUỐC TẾ	237	19	118	217	237	19	118	217	22	2	11	20	34	1	19	19	-13	0	-8	1
V II	TRƯỜNG ĐÀO TẠO QUỐC TẾ																				
1	KHOA CÔNG NGHỆ PHẦN MỀM VIỆT - MỸ (CMU)	204	27	174	188	204	27	174	188	17	2	15	16	10	1	16	19	7	1	-1	-3
2	KHOA QUẢN LÝ - KINH TẾ VIỆT - MỸ (PSU)	795	49	257	322	795	49	257	322	57	4	18	23	63	3	22	27	-6	1	-3	-4
3	KHOA KIẾN TRÚC & XÂY DỰNG VIỆT - MỸ (CSU)	96	7	26	100	96	7	26	100	19	1	5	20	22	3	14	29	-3	-1	-9	-9
	ĐƠN VỊ KHÁC																				
1	TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ	2	7	13	104	2	7	13	104	1	2	3	26	3	2	5	34	-3	0	-1	-8
2	TRUNG TÂM GDTC - QP		18	108	159		18	108	159		2	11	16		2	8	15		0	3	1
	TỔNG CỘNG	14320	1102	4760	1030 8	14244	1086	4733	10259												

TRƯỜNG BAN



TS. Trần Văn Hùng

